

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 15 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 610/TTr-SXD ngày 09 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) áp dụng các quy định của Quyết định này. (*Chi tiết đơn giá nhân công theo Phụ lục 01; Hướng dẫn xác định đơn giá ca máy và thiết bị thi công theo Phụ lục 02 đính kèm*).

2. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn Tỉnh áp dụng các quy định của Quyết định này để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, xác định chi phí đầu tư xây dựng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án sử dụng vốn khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trường hợp tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt trước thời điểm có hiệu lực của Quyết định này và chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu thì người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh đơn giá nhân công xây dựng trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng làm cơ sở xác định giá gói thầu trên cơ sở đảm bảo tiến độ và hiệu quả thực hiện dự án.

Riêng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Nhà nước do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý, bao gồm cả ngân sách tỉnh, huyện và xã đã được phê duyệt dự án, thiết kế xây dựng trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục triển khai thực hiện các bước tiếp theo, không lập, điều chỉnh lại tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng theo hướng dẫn tại Quyết định này. Trường hợp dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng đã được phê duyệt nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc đang tổ chức lựa chọn nhà thầu nhưng chưa đóng thầu thì Chủ đầu tư cập nhật giá gói thầu xây dựng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Thông tư số 09/2019/TT-BXD trên cơ sở đảm bảo không vượt dự toán xây dựng, tổng mức dự toán đã được phê duyệt.

2. Đối với các gói thầu đã đóng thầu, đã ký hợp đồng trước thời điểm có hiệu lực của Quyết định này thì thực hiện theo nội dung mời thầu, hồ sơ dự thầu, nội dung hợp đồng đã ký kết.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Hương Thủy, Hương Trà và thành phố Huế; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo TT. Huế;;
- VP: LĐ và CV: TH, GT, NN, XDCB;
- Lưu VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thiên Định

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 689 /QĐ-UBND ngày 13 / 3/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG	Cấp bậc bình quân	Đơn giá (đồng/ngày)		
			Vùng II (Thành phố Huế)	Vùng III (Các huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang và các thị xã: Hương Thủy, Hương Trà)	Vùng IV (Các huyện: Nam Đông, A Lưới)
I. Nhân công xây dựng					
1	Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4, Nhóm 5, Nhóm 8	3,5/7	208.599	203.798	206.697
2	Nhóm 6, Nhóm 7	3,5/7	234.729	229.327	232.588
3	Nhóm 9	2/4	227.643	222.404	225.567
4	Nhóm 10	2/4	260.000	246.000	237.000
5	Nhóm 11	Đơn giá nhân công xây dựng cấp bậc bình quân tương ứng từ Khoản 1 đến Khoản 4 Phần I nhân với hệ số điều chỉnh k =1,2			
II. Kỹ sư		4/8	260.000	246.000	237.000
III. Nghệ nhân		1,5/2	540.000	527.000	502.000
IV. Vận hành tàu thuyền					
IV.1. Thuyền trưởng, thuyền phó, máy 1, máy 2 của tàu, ca nô, cần cẩu nổi, búa đóng cọc nổi và tàu đóng cọc					
1	Thuyền trưởng; nhóm I	1,5/2	338.364	330.577	335.279
2	Thuyền trưởng; nhóm II	1,5/2	376.452	367.789	373.020
3	Thuyền phó 1, máy 1; nhóm I	1,5/2	319.000	296.000	283.933

4	Thuyền phó 1, máy 1; nhóm II	1,5/2	323.749	316.299	320.797
5	Thuyền phó 2, máy 2; nhóm I	1,5/2	319.000	296.000	280.000
6	Thuyền phó 2, máy 2; nhóm II	1,5/2	319.000	296.000	280.000
IV.2. Thủy thủ, thợ máy, thợ điện					
1	Thủy thủ	2/4	319.000	296.000	280.000
2	Thợ máy, thợ điện	2/4	319.000	296.000	280.000
IV.3. Thợ điều khiển tàu hút, tàu cuốc vệt sông					
1. Tàu hút dưới 150m³/h					
1.1	Thuyền trưởng	1,5/2	357.408	349.183	354.149
1.2	Máy trưởng	1,5/2	320.201	312.837	317.286
1.3	Máy 2, kỹ thuật viên cuốc 1, thuyền phó	1,5/2	319.000	311.106	315.531
1.4	Kỹ thuật viên cuốc 2	1,5/2	319.000	296.000	292.710
2. Tàu hút từ 150m³/h đến 300m³/h					
2.1	Thuyền trưởng	1,5/2	400.811	391.587	397.156
2.2	Máy trưởng	1,5/2	377.781	369.087	374.336
2.3	Máy 2, kỹ thuật viên cuốc 1, thuyền phó	1,5/2	371.581	363.029	368.192
2.4	Kỹ thuật viên cuốc 2	1,5/2	338.364	330.577	335.279
3. Tàu hút trên 300m³/h, tàu cuốc dưới 300m³/h					
3.1	Thuyền trưởng	1,5/2	445.985	435.722	422.000
3.2	Máy trưởng	1,5/2	433.141	423.173	422.000

3.3	Điện trường	1,5/2	377.338	368.654	373.897
3.4	Máy 2, kỹ thuật viên cuốc 1, thuyền phó	1,5/2	425.169	415.385	421.293
3.5	Kỹ thuật viên cuốc 2	1,5/2	400.811	391.587	397.156
IV.4. Thợ điều khiển tàu hút, tàu cuốc, tàu đào gàu ngoạm nạo vét biển					
1. Tàu từ 300m³/h đến 800m³/h					
1.1	Thuyền trưởng tàu hút búng	1,5/2	469.458	443.000	422.000
1.2	Máy trưởng, thuyền trưởng tàu cuốc; tàu hút phun, tàu đào gàu ngoạm	1,5/2	447.756	437.452	422.000
1.3	Điện trường tàu hút, tàu cuốc; KTV cuốc 1, thuyền phó 2 tàu hút búng; KTV cuốc 2 tàu cuốc, tàu hút phun, tàu đào gàu ngoạm	1,5/2	400.811	391.587	397.156
1.4	Máy 2, kỹ thuật viên cuốc 1 tàu cuốc, tàu hút phun, tàu đào gàu ngoạm:	1,5/2	425.169	415.385	421.293
1.5	Thuyền phó tàu cuốc, KTV cuốc 2 tàu hút	1,5/2	377.781	369.087	374.336
2. Tàu từ 800m³/h trở lên					
2.1	Thuyền trưởng tàu hút búng	1,5/2	477.000	443.000	422.000
2.2	Máy trưởng, thuyền trưởng tàu cuốc; tàu hút phun, tàu đào gàu ngoạm	1,5/2	469.458	443.000	422.000
2.3	Điện trường tàu hút, tàu cuốc; KTV cuốc 1, thuyền phó 2 tàu hút búng; KTV cuốc 2 tàu cuốc, tàu hút phun, tàu đào gàu ngoạm	1,5/2	425.169	415.385	421.293
2.4	Máy 2, kỹ thuật viên cuốc 1 tàu cuốc, tàu hút phun, tàu đào gàu ngoạm:	1,5/2	447.756	437.452	422.000
2.5	Thuyền phó tàu cuốc, KTV cuốc 2 tàu hút	1,5/2	400.811	391.587	397.156
V. Thợ lặn		2/4	540.000	504.000	479.000

Ghi chú:

- Đơn giá nhân công xây dựng được xác định với điều kiện lao động bình thường, thời gian làm việc một ngày là 8 giờ và một tháng là 26 ngày; bao gồm các khoản bảo hiểm

người lao động phải nộp (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, phí công đoàn).

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ đơn giá nhân công xây dựng cấp bậc trung bình, nhóm nhân công và thang bảng hệ số cấp bậc nhân công xây dựng tại Phụ lục số 02 và Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng để xác định đơn giá nhân công theo cấp bậc cụ thể phù hợp với từng công việc trong quá trình xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

PHỤ LỤC SỐ 02

HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

*(Kèm theo Quyết định số 689 /QĐ-UBND ngày 13/ 3 /2020
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Tính toán, xác định giá ca máy trực tiếp theo các nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng. Trong đó:

1. Phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công: thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng;

2. Về định mức % (khấu hao; sửa chữa; chi phí khác); định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng; số lượng, thành phần, cấp bậc nhân công điều khiển máy; nguyên giá máy: Xác định theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng;

3. Về đơn giá nhân công điều khiển máy: Đề nghị xác định trên cơ sở đơn giá nhân công được UBND tỉnh công bố tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này.